

Số: 347/TB-MNTB

Long Biên, ngày 5 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO
Về việc niêm yết công khai Bảng lương
Tháng 11/2025

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/05/2020 về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập

Trường Mầm non Thạch Bàn thông báo niêm yết công khai như sau:

1. Nội dung:

Công khai Bảng lương tháng 11/2025. Có bảng tổng hợp kèm theo.

2. Bộ phận thực hiện niêm yết công khai: Hiệu trưởng, Kế toán, TB TTND, Chủ tịch công đoàn.

3. Địa điểm niêm yết: Trên nhóm zalo của nhà trường và trên bảng công khai của trường mầm non Thạch Bàn.

4. Thời gian niêm yết: Từ 8h00 ngày 05 tháng 11 năm 2025 đến 17h00 ngày 07 tháng 11 năm 2025

5. Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 05 tháng 11 năm 2025 đến hết ngày 07 tháng 11 năm 2025

6. Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận công khai hoặc qua số ĐT: 024.36754038, Email của nhà trường : [mntlachban@longbien.edu.vn](mailto:mnthachban@longbien.edu.vn).

7. Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: Trong thời gian niêm yết công khai.


HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
MẦM NON
THẠCH BÀN
Hoàng Thị Nghĩa

Long Biên, ngày tháng 11 năm 2025

BIÊN BẢN NIÊM YẾT CÔNG KHAI
Bảng lương tháng 11/2025

Căn cứ thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài Chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ thông tư 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/05/2020 về hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập

Hôm nay, ngày 05 tháng 11 năm 2025, vào hồi 8 giờ 00 phút

Tại phòng hội đồng trường Mầm non Thạch Bàn

Thành phần gồm có:

- | | |
|-----------------------------|-------------------------------|
| 1. Bà Hoàng Thị Nghĩa | Chức vụ: Hiệu trưởng |
| 2. Bà Vũ Bích Hạnh | Chức vụ: Phó Hiệu trưởng |
| 3. Bà Phạm Lệ Hà | Chức vụ: Phó Hiệu trưởng-CTCD |
| 4. Bà Lê Thị Thanh Huyền | Chức vụ: Trưởng ban TTND |
| 5. Bà Nguyễn Thị Hồng Chiêm | Chức vụ: Kế toán |

Đã tiến hành niêm yết công khai Bảng lương tháng 11/2025

Thời gian niêm yết: Từ 8h00 ngày 05 tháng 11 năm 2025 đến 17h00 ngày 07 tháng 11 năm 2025

Địa điểm niêm yết: Trên nhóm zalo của nhà trường và trên bảng công khai của trường mầm non Thạch Bàn

Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 05 tháng 11 năm 2025 đến hết ngày 07 tháng 11 năm 2025


Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận công khai hoặc qua số ĐT: 024.36754038, Email của nhà trường :mnthachban@longbien.edu.vn.

Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: Trong thời gian niêm yết công khai.

Mọi thắc mắc, ý kiến phản hồi về việc công khai, các nội dung công khai, liên hệ trực tiếp với Ban công khai, với Đ/c Hiệu trưởng để được trả lời, giải quyết.

Biên bản lập xong vào hồi 08 giờ 30 phút cùng ngày, đã được thông qua các thành phần cùng nghe và nhất trí.

TRƯỞNG BAN TTND




Lê Thị Thanh Huyền



**Hiệu trưởng
Hoàng Thị Nghĩa**

NGƯỜI CHỨNG KIẾN



Nguyễn Thị Phương Lan

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



Nguyễn Thị Hồng Chiêm

UBND PHƯỜNG LONG BIỂN
TRƯỜNG MẦM NON THẠCH BÀN

BẢNG TỔNG HỢP THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN THÁNG 11 NĂM 2025

STT	Họ và tên	Chức vụ nghề nghiệp	Số Tài khoản	Lương cơ bản T11/2025 (Biên chế)	Tiền công Giáo viên, nhân viên hợp đồng trong chi tiêu, ND 111 T11/2025	Khoản công tác phí T11/2025	Số tiền ngày "Quốc khánh 02/09/2025"	Số tiền ngày "Nhà giáo Việt Nam 20/11/2025"	Tiền chăm sóc bảo trợ T10/2025	Tiền thứ 7 T10/2025	Tiền chăm sóc ngoại giờ - Trả muộn T10/2025	Tổng cộng	Ký nhận
1	Hoàng Thị Nghĩa	Hiệu trưởng	1510355977	13.600.417			200.000	200.000	2.484.000	1.348.000		17.832.417	
2	Vũ Bích Hạnh	P.Hiệu trưởng	1510103185	12.942.055			200.000	200.000	2.484.000	1.348.000		17.174.055	
3	Phạm Lê Hà	P.Hiệu trưởng	1510045870	13.193.999			200.000	200.000	2.484.000	1.348.000		17.425.999	
4	Nguyễn Thị Hồng Chiêm	Kế toán	1511111464	7.442.019		300.000	200.000	200.000	2.484.000	2.022.000		12.648.019	
5	Lê Thị Vân	GVBC	1510045074	14.943.736			200.000	200.000	2.484.000	1.348.000		19.175.736	
6	Dương Thị Đài	GVBC	1510045205	15.033.162			200.000	200.000	2.430.000	674.000		18.537.162	
7	Nguyễn Thị Minh Yên	GVBC	1510045135	13.195.353			200.000	200.000	2.484.000	1.348.000		17.427.353	
8	Nguyễn Thị Hải Yên	GVBC	1510045010	12.433.751			200.000	200.000	2.376.000	674.000		15.883.751	
9	Vũ Thị Hải Hà	GVBC	1510103176	10.779.666			200.000	200.000	2.484.000	674.000		14.337.666	
10	Lương Thị Hồng Sen	GVBC	1510103273	10.779.666			200.000	200.000	2.484.000	674.000		14.337.666	
11	Lê Thị Thanh Huyền	GVBC	1510488208	12.086.797			200.000	200.000	2.484.000	674.000		15.644.797	
12	Nguyễn Thị Thu Hương	GVBC	1510103158	11.812.449			200.000	200.000	2.484.000	1.348.000		16.044.449	
13	Phạm Ngọc Ánh	GVBC	1510166072	10.639.767			200.000	200.000	2.484.000	674.000		14.197.767	
14	Đỗ Thị Mai Hiền	GVBC	1510092210	9.588.786			200.000	200.000	2.484.000	674.000	2.415.000	15.561.786	
15	Trần Thị Thu Hiền	GVBC	1510169062	10.538.171			200.000	200.000	2.484.000	1.011.000		14.433.171	
16	Bùi Thị Hoàng Vân	GVBC	1510169044	9.588.786			200.000	200.000	2.484.000	674.000		13.146.786	
17	Nguyễn Thị Mai	GVBC	1510103149	9.588.786			200.000	200.000	2.484.000	674.000		13.146.786	
18	Phan Thanh Huyền	GVBC	1510049988	11.006.171			200.000	200.000	2.484.000	2.022.000		15.912.171	
19	Nguyễn Thị Hương	GVBC	1510092186	9.525.330			200.000	200.000	2.430.000	674.000		13.029.330	
20	Lê Thị Xuyên	GVBC	1510403733	9.525.330			200.000	200.000	2.484.000	674.000		13.083.330	
21	Nguyễn Thị Thanh Huyền	GVBC	1510438735	9.461.872			200.000	200.000	2.484.000	674.000		13.019.872	
22	Lê Thu Hằng	GVBC	1510501868	8.436.861			200.000	200.000	2.484.000	674.000	2.415.000	14.409.861	
23	Thắm Mỹ Hạnh	GVBC	1510596758	8.436.861			200.000	200.000	2.484.000	674.000		11.994.861	



STT	Họ và tên	Chức vụ nghề nghiệp	Số Tài khoản	Lương cơ bản T11/2025 (Biên chế)	Tiền công Giáo viên, nhân viên hợp đồng trong chỉ tiêu, ND 111 T11/2025	Khoản công tác phí T11/2025	Số tiền ngày "Quốc khánh 02/09/2025"	Số tiền ngày "Nhà giáo Việt Nam 20/11/2025"	Tiền chăm sóc bản trú T10/2025	Tiền thứ 7 T10/2025	Tiền chăm sóc ngoài giờ - Trả muộn T10/2025	Tổng cộng	Ký nhận
24	Nguyễn Thị Ánh Hồng	GVBC	1510989686	9.588.786			200.000	200.000	2.484.000	0		12.472.786	
25	Nguyễn Thị Bùi Hạnh	GVBC	1510989677	15.981.469			200.000	200.000	2.376.000	0		18.757.469	
26	Đoàn Thị Hải Yến	GVBC	1511038943	13.378.881			200.000	200.000	2.484.000	674.000		16.936.881	
27	Hoàng Thụy Dung	GVBC	1510756570	7.374.362			200.000	200.000	2.484.000	0		10.258.362	
28	Nguyễn Thị Loan	GVBC	1510803290	7.323.889			200.000	200.000	2.484.000	674.000		10.881.889	
29	Nguyễn Thị Thủy	GVBC	1590176749	7.273.416			200.000	200.000	2.430.000	0		10.103.416	
30	Nguyễn Thu Hương	GVBC	1510905497	7.273.416			200.000	200.000	2.376.000	674.000		10.723.416	
31	Phạm Thị Thủy	GVBC	1510505374	8.379.896			200.000	200.000	2.484.000	1.348.000		12.611.896	
32	Nguyễn Thị Hà Lan	GVBC	1590040598	7.374.361			200.000	200.000	2.484.000	674.000		10.932.361	
33	Nguyễn Thị Kim Oanh	GVBC	1510769055	8.730.896			200.000	200.000	2.484.000	0		11.614.896	
34	Nguyễn Thị Thu Trang	GVBC	1590276755	7.021.053			200.000	200.000	2.376.000	0		9.797.053	
35	Trần Thu Giang	GVBC	1590159689	7.021.053			200.000	200.000	2.376.000	674.000		10.471.053	
36	Vũ Thị Thương	GVBC	8861344292	8.493.826			200.000	200.000	2.484.000	674.000		12.051.826	
37	Nguyễn Thị Thu Hương	NV y tế	1510993641		4.439.200		200.000	200.000	2.484.000	1.685.000		9.008.200	
38	Lê Thị Hương	NV nuôi dưỡng	1510103264		4.439.200		200.000	200.000	2.484.000	674.000		7.997.200	
39	Lê Thị Kim Huế	NV nuôi dưỡng	1510117089		4.907.200		200.000	200.000	2.484.000	674.000		8.465.200	
40	Hoàng Thị Thụy Hoa	NV nuôi dưỡng	1510140517		4.790.200		200.000	200.000	2.484.000	674.000		8.348.200	
41	Đỗ Thị Bích Liên	NV nuôi dưỡng	1510122524		4.439.200		200.000	200.000	2.484.000	1.348.000		8.671.200	
42	Trần Thị Thanh Tâm	NV nuôi dưỡng	1510145628		4.439.200		200.000	200.000	2.268.000	1.348.000		8.455.200	
43	Nguyễn Hồng Tươi	NV nuôi dưỡng	1510278676		4.439.200		200.000	200.000	2.430.000	1.348.000		8.617.200	
44	Nguyễn Thị Thủy Hà	NV nuôi dưỡng	1511032963		4.439.200		200.000	200.000	2.484.000	1.348.000		8.671.200	
45	Dương Thị Hồng Nhung	NV nuôi dưỡng	1510713618		4.439.200		200.000	200.000	2.376.000	674.000		7.889.200	
46	Đỗ Thị Ngọc Bích	NV nuôi dưỡng	1500366529		4.439.200		200.000	200.000	2.376.000	0		7.215.200	
47	Đỗ Đình Dao	NV bảo vệ	1510051309		4.790.200		200.000	200.000	864.000	674.000		6.728.200	
48	Dương Văn Quân	NV bảo vệ	1510051327		4.439.200		200.000	200.000	864.000	674.000		6.377.200	
49	Nguyễn Hồng Sinh	NV bảo vệ	1510062860		4.960.000		200.000	200.000	864.000	674.000		6.898.000	
50	Nguyễn Thị Hiền	Lao công	1510921819				0	0	0	0		0	

NG
M N
CH BÀ
*

STT	Họ và tên	Chức vụ nghề nghiệp	Số Tài khoản	Lương cơ bản T11/2025 (Biên chế)	Tiền công Giáo viên, nhân viên hợp đồng trong chỉ tiêu, ND 111 T11/2025	Khoản công tác phí T11/2025	Số tiền ngày "Quốc khánh 02/09/2025"	Số tiền ngày "Nhà giáo Việt Nam 20/11/2025"	Tiền chăm sóc bản trú T10/2025	Tiền thứ 7 T10/2025	Tiền chăm sóc ngoài giờ - Trà muộn T10/2025	Tổng cộng	Ký nhận
51	Nguyễn Thị Thu Hà	GVHD	1510771476				200.000	200.000	2.484.000	1.348.000		4.232.000	
52	Lương Bích Quỳnh	GVHD	1510687652				200.000	200.000	2.484.000	674.000		3.558.000	
53	Hoàng Thị Phương Hoa	GVHD	1510756561				200.000	200.000	2.376.000	674.000		3.450.000	
54	Nguyễn Thị Phương Lan	Văn thư	1511074859				200.000	200.000	2.376.000	2.022.000		4.798.000	
Tổng cộng				369.795.095	59.400.400	300.000	10.600.000	10.600.000	125.388.000	44.484.000	4.830.000	625.397.495	

Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi lăm triệu, ba trăm chín mươi bảy nghìn, bốn trăm chín mươi lăm đồng /.

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Hồng Chiêm

